

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Ông Võ Thành Bê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXX - HN ngày 29/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST – HN ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn L, sinh năm: 1986 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* *Bị đơn:* Chị Phạm Bích T, sinh năm: 1993 (*vắng mặt lần 2 không có lý do*)

Cùng địa chỉ: Ấp MG, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Văn L trình bày và yêu cầu như sau: Anh và chị Phạm Bích T chung sống với nhau từ năm 2011, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐHA cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/02/2013. Sau khi đám cưới, vợ chồng về sinh sống tại ấp MG, xã VKĐ cho đến khi vợ chồng không còn chung sống cùng nhau.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không

hòa hợp mặc dù anh L đã nhẫn nhịn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh chị đã thật sự ly thân với nhau đến nay khoảng 03 năm.

* *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung cháu Bùi Bích P (sinh ngày 16/02/2012, giới tính nữ). Hiện nay đang chung sống với anh L.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị T; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bích P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên anh L không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Bích T không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa:*

- Anh L và chị T: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Bùi Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Bích T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi anh L khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì chị T có nơi cư trú tại ấp MG xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (Có xác nhận của chính quyền địa P) là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án triệu tập chị T tham gia phiên tòa sơ thẩm lần hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của chị T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L và chị T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/02/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh L về việc ly hôn với chị T, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì anh L cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, tính tình không hòa hợp. Anh luôn nhẫn nhịn nhưng vợ chồng không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị thường xuyên cự cãi, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hạnh phúc là đúng. Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý đã tiến hành triệu tập chị T nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị T luôn vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của chị đối với yêu cầu của anh L.

Mặc khác, theo như anh L trình bày anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay nhưng anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh L được ly hôn với chị T.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu của anh L được tiếp tục nuôi cháu Bùi Bích P (sinh ngày 16/02/2012) không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của anh L là phù hợp với nguyện vọng của cháu P (bản trình bày ý kiến của cháu P) nên tiếp tục giao cháu Bích P cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ

chung trong thời kỳ hôn nhân của anh L và chị T thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh L phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Cho Anh Bùi Văn L được ly hôn với chị Phạm Bích T.

2/ *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Bùi Bích P (*sinh ngày 16/02/2012, giới tính nữ*) cho anh Bùi Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nhưng khi cần thiết anh L có quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Bùi Văn L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0007725 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Anh L đã nộp xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Anh L và chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- UBND xã ĐHA;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh